

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Tiên D** - Phó trưởng phòng.
Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị C**;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn T** (văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019); có mặt.

4. Chị **Nguyễn Thị M**;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt;

5. Chị **Lê Thị Th1**;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt;

6. Anh **Lê Thành Đ**;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt;

7. Chị **Lê Thị Thanh T**;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt;

8. Chị **Nguyễn Thị H**;

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa như sau:

Một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.158,2m² tọa lạc tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 3) có nguồn gốc là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1994; quản lý sử dụng ổn định cho đến nay và không có ai tranh chấp. Do đất khai hoang nên gia đình ông không có giấy tờ nào để chứng minh nguồn gốc đất, không nộp thuế và không tiến hành đăng ký, kê khai đối với thửa đất số 3; ngoài ra, từ trước đến nay, gia đình ông nhiều lần đề nghị Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND xã C) làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên nhưng UBND xã C không thực hiện.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 2355) bởi lẽ: Việc Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông mà không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho hộ gia đình ông là không phù hợp với quy định.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu,

chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Năm 2017, thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường phía Tây tỉnh, hộ ông Lê Văn T bị thu hồi 2.405,2m² đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 01, diện tích 16.086,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác được UBND xã Canh Vinh xác nhận nguồn gốc tại Văn bản số 21/UBND ngày 21/3/2017 với nội dung “Phần diện tích thu hồi 2.405,2m², trong đó 247m² là đất do UBND xã quản lý, diện tích 2.158,2m² là do hộ chiếm dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 16, loại đất hoang bằng do UBND xã quản lý và khai hoang sử dụng từ sau năm 1998 đến nay không tranh chấp”.

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã C, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định (viết tắt là Hội đồng GPMB) đã tính toán và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND tỉnh Bình Định) phê duyệt giá trị bồi thường đối với hộ ông T với tổng số tiền là 64.553.800 đồng; trong đó bồi thường 2.158,2m² đất trồng cây hàng năm khác là 47.480.400 đồng, bồi thường vật kiến trúc 7.314.000 đồng và bồi thường cây cối, hoa màu 9.759.400 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường nói trên, ông T đã có đơn khiếu nại đến Hội đồng GPMB yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho hộ ông T và yêu cầu áp dụng Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 13) vì việc Hội đồng GPMB áp dụng Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 32) là không đúng so với thời điểm phê duyệt dự án.

Ngày 08/5/2017, Hội đồng GPMB đã ban hành Văn bản số 244/BGPMB-BT về việc bác yêu cầu khiếu nại của ông T. Sau đó ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định); ngày 13/7/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2355/QĐ-UBND về việc bác yêu cầu khiếu nại của ông T.

Căn cứ để Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành quyết định nói trên:

- Năm 1994, thực hiện cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho các hộ dân theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ bà Phan Thị T1 được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng với tổng diện tích 10.388m² (trong đó 9.988m² đất nông nghiệp và 400m² đất ở nông thôn) tại thôn B, xã C; thời điểm này, ông T là con ruột của bà T1 nên ông T được cân đối giao quyền trong hộ bà T1. Khoảng năm 1995, ông T lấy vợ là bà Nguyễn Thị C đồng trú tại địa phương và hộ bà C cũng đã được Nhà nước cân đối giao quyền năm 1994 với tổng diện tích 3.284m².

- Phần diện tích thu hồi 2.405,2m² của hộ ông T là do hộ chiếm dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 16, loại đất hoang do UBND xã quản lý, không nằm trong quỹ đất giao quyền đối với hộ ông T.

- Căn cứ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 1 QĐ 32 (sửa đổi, bổ sung Điều 34 QĐ 13), Hội đồng GPMB không tính hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho hộ ông T.

Từ những căn cứ nói trên, QĐ 2355 được ban hành đúng theo quy định của pháp luật; do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy quyết định nói trên. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

3. Người đại diện hợp pháp của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Tiến D - Phó Phòng giải phóng mặt bằng trực thuộc Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định trình bày:

Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định (viết tắt là Ban GPMB) thống nhất với nội dung trình bày nói trên của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

QĐ 2355 được ban hành đúng theo quy định của pháp luật; do đó, Ban GPMB không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy quyết định nói trên. Ngoài ra, Ban GPMB không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định trình bày:

UBND xã C thống nhất với nội dung trình bày nói trên của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

QĐ 2355 được ban hành đúng theo quy định của pháp luật; do đó, UBND xã C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy quyết định nói trên. Ngoài ra, UBND xã C không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

5. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Th1, anh Lê Thành Đ, chị Lê Thị Thanh Tuyền, chị Nguyễn Thị Hoa thống nhất trình bày:

Những người nói trên thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T; ngoài ra, không ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013 ; Nghị định số 75/2012/ND-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị

định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

- Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03-7-2019, người khởi kiện ông Lê Văn T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và đề nghị hủy Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt (chỉ có người bị kiện và Ban đại diện giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính như đề nghị của đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định. Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3] Về tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của QĐ 2355:

Ông T khiếu nại yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho hộ gia đình ông và ông yêu cầu áp dụng QĐ 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 vì việc Hội đồng GPMB áp dụng QĐ 32 là không đúng so với thời điểm phê duyệt dự án.

Tại Điều 2 QĐ 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 (sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo QĐ 13) quy định quyết định nói trên có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung QĐ 13 tức là QĐ 32 có hiệu lực thi hành kể từ sau ngày 25/6/2016. Việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại các Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 và Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 nên việc Hội đồng GPMB áp dụng QĐ 13 và QĐ 32 là đúng quy định.

Năm 2017, thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường phía Tây tỉnh, hộ ông Lê Văn T bị thu hồi 2.405,2m² đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 01, diện tích 16.086,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2019, ông T cũng đã thừa nhận một phần thửa đất số 3, diện tích 2.158,2m² có nguồn gốc là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1994; gia đình ông không nộp thuế và cũng không tiến hành đăng ký, kê khai trong bất kỳ giấy tờ nào khác. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Lê Văn T thừa nhận diện tích đất ông khai hoang và trồng hoa màu, trong đó có phần đất bị thu hồi ông chưa được UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai nói trên của ông T là phù hợp với nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã C là phần diện tích thu hồi nói trên trong đó 247m² là đất do UBND xã quản lý, diện tích 2.158,2m² là do hộ ông T chiếm dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 16, loại đất hoang bằng do UBND xã quản lý và khai hoang sử dụng từ sau năm 1998 đến nay không tranh chấp.

Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho các hộ dân theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì hộ bà Phan Thị T1 được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng với tổng diện tích 10.388m² (trong đó 9.988m² đất nông nghiệp và 400m² đất ở nông thôn) tại thôn B, xã C; khi đó, ông T là con ruột của bà T1 nên ông T đã được cân đối giao quyền trong hộ bà T1. Năm 1995, ông T lấy vợ là bà Nguyễn Thị C đồng trú tại địa phương và hộ bà C cũng đã được Nhà nước cân đối giao quyền năm 1994 với tổng diện tích 3.284m².

Căn cứ khoản 2 Điều 8 QĐ 13 “Đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng...”; khoản 1 Điều 1 QĐ 32 quy định về các trường hợp không được hỗ trợ ổn định đời sống “Các trường hợp được bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 8 QĐ 13” và khoản 2 Điều 1 QĐ 32 quy định về các trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm “Hộ gia đình,

cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 và Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ; giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã (nơi có đất thu hồi) xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở) mà không có đất để bồi thường (trừ các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 34 của quy định này)...” thì việc Hội đồng GPMB không tính toán hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho hộ ông T là phù hợp.

Mặt khác, diện tích đất của ông T bị thu hồi do ông tự khai hoang, chỉ thu hồi 2.405,2m² còn lại 13.680m². Khi cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị T1 vào năm 1994, ông T là con bà T1 nên đã được cân đối giao quyền sử dụng đất trong hộ bà T1 nên không thỏa mãn các điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[4]. Về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành QĐ 2355:

QĐ 2355 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực quản lý đất đai khi người khiếu nại ông Lê Văn T không đồng ý với phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Phan Cao Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành quyết định nói trên là phù hợp.

Về trình tự, thủ tục ban hành QĐ 2355 là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 29, 30, 32 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

Về thời hiệu và thời hạn ban hành QĐ 2355 là phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Lê Văn T không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng hộ ông Lê Văn T thuộc trường hợp hộ cận nghèo. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm hành chính.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường